

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-3-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Đông và bà Trương Thị Lệ Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuý Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 431/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Sú Hồng P, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Bùi Thị P1, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Ông P, bà P1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-8-2022, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn ông Sú Hồng P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà P1 tự nguyện kết hôn vào năm 1990, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02-9-1990.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh P đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2008 đến nay. Nay ông P nhận thấy không còn tình cảm với bà P1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bùi Thị P1.

Về con: Theo ông P, ông và bà P1 có 03 (Ba) người con là Sú Hoàng P T, sinh ngày 08-9-1991; Sú Hoàng Bảo K, sinh ngày 10-9-1993 và Sú Hoàng Linh P, sinh ngày 03-02-1995. Các con chung hiện đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Theo ông P, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo ông P, vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên ông P đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2022 bà Bùi Thị P1 trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà P1 thống nhất với lời trình bày của ông P, bà và ông P tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02-9-1990.

Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân hơn chục năm. Nay ông P yêu cầu ly hôn thì bà P1 đồng ý.

Về con: Bà và ông P có 03 (Ba) người con là Sú Hoàng P T, sinh ngày 08-9-1991; Sú Hoàng Bảo K, sinh ngày 10-9-1993 và Sú Hoàng Linh P, sinh ngày 03-02-1995. Hiện nay các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho ông Sú Hồng P được ly hôn với bà Bùi Thị P1. Về con: Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, nguyên bị đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Ông P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Sú Hồng P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị P1, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà P1 có nơi cư trú tại: Ấp Chợ, xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Ông P, bà P1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà P1 xác lập ngày 02-9-1990 (thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực). Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, áp dụng các điều khoản của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 để giải quyết vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà P1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 02-9-1990. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[5] Nguyên đơn ông P yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2008 cho đến nay. Trên cơ sở lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng ông P, bà P1 đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng. Có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa ông P và bà P1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, thì yêu cầu ly hôn của ông P đối với bà P1 là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về con: Ông P và bà P1 có 03 (Ba) người con tên Sú Hoàng P T, sinh ngày 08-9-1991; Sú Hoàng Bảo K, sinh ngày 10-9-1993 và Sú Hoàng Linh P, sinh ngày 03-02-1995. Hiện nay các con đã thành niên và có khả năng lao động nguyên, bị đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Ông P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó ông P phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[10] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 11, 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sú Hồng P, về việc “Ly hôn” đối với bà Bùi Thị P1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Sú Hồng P được ly hôn với bà Bùi Thị P1.

2. Về con: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Sú Hồng P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông P đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003921 ngày 14-11-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Ông P đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc (GCNKH số 121/1990, quyền số 01, ngày 02-9-1990) (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Phường